

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2020/HS - ST
Ngày 22/12/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẮC KẠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt Thu

Các Hội thẩm nhân dân: 1/Bà Trương Thị Xuân;

2/ Bà Nguyễn Thị Anh Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sơn – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Kạn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2020/TLHS - ST ngày 26 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo:

Bùi Danh C; tên gọi khác: Không; sinh ngày 06 tháng 9 năm 2000 tại thành phố Hà Nội; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông: Bùi Tiến D (đã chết) và bà: Nguyễn Thị Ng; vợ, con: chưa có; tiền án: 01 tiền án. Tại bản án số 201/2019/HSST, ngày 04/7/2019 Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt Bùi Danh C 16 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/9/2020 cho đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Chị Đinh Thị Ph; sinh năm 1979; trú tại: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Chị Đinh Thị H; sinh năm 1976; trú tại: Thôn N, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Anh Mạc Đức Th; sinh năm 1980; trú tại: Thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị M (tên gọi khác: Nguyễn Thị Y); sinh năm 1975; trú tại: Phố N, thị trấn Ph, huyện Bạch Th, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

*** Người làm chứng:**

1. Ông Trần Xuân O; sinh năm 1961; trú tại: Thôn Nam Đ, xã N, thành phố B, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt.

2. Anh Đặng Thế H; sinh năm 1983; trú tại: Khu 13 G, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

3. Anh Nguyễn Xuân H; sinh năm 1988; trú tại: Khu 3, xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa , nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/9/2020, Bùi Danh C, sinh năm 2000, trú tại H, phường H, quận H, thành phố Hà Nội bắt xe ô tô khách chạy tuyến Hà Nội - Cao Bằng từ bến xe Giáp Bát để đi lên thành phố B chơi. Khoảng 00 giờ ngày 12/9/2020, xe ô tô khách đến địa phận thành phố B, C xuống xe rồi đến quán Internet gần bến xe Bắc Kạn để chơi. Đến khoảng 07 giờ sáng ngày 12/9/2020, C nghỉ chơi ở quán Internet rồi đi bộ đến nhà nghỉ Ph gần bến xe Bắc Kạn thuê phòng để ngủ. Sau khi ăn cơm trưa và thanh toán tiền phòng nghỉ, C thuê xe ôm đi đến khu vực thôn N, xã N, thành phố B mục đích để xem ai có tài sản thì sẽ lừa để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đến khu vực cổng Công ty Ph, C xuống xe rồi đi bộ theo hướng Bắc Kạn - Thái Nguyên thì nhìn thấy nhà chị Đinh Thị Ph, sinh năm 1979, trú tại thôn N, xã N, thành phố B treo biển bán nhà. Lúc này, C nảy sinh ý định đi vào gặp chủ nhà để xem có tài sản thì lừa mang đi bán. Khi vào đến khu vực gần cổng nhà thì C gặp anh Trần Xuân O, sinh năm 1961, trú tại thôn N, xã N, thành phố B, anh O có hỏi “*Đứng đây làm gì đây*” thì C trả lời “*Em muốn mua nhà bên kia*”. Sau đó, anh O đưa C đến gặp chị Đinh Thị H, sinh năm 1976 trú tại thôn N, xã N, thành phố B (là chị gái ruột của chị Ph). Do chị Ph không ở nhà và nghĩ C có ý định mua nhà nên chị H đã dẫn C sang nhà chị Ph để xem nhà rồi cho C số điện thoại của chị Ph để C liên lạc, thống nhất việc mua bán nhà. Sau đó, C dùng số điện thoại 0968 440 xxx để gọi cho chị Ph. Qua trao đổi, giữa C và chị Ph đã thống nhất về giá cả mua bán nhà là một tỷ đồng nhưng do chị Ph không ở nhà nên cả hai đã thống nhất 08 giờ sáng ngày 13/9/2020 gặp nhau ở thành phố Th, tỉnh Thái Nguyên. Sau đó, C bắt xe khách đi đến thành phố Th chờ chị Ph.

Khoảng 9 giờ 00 phút, ngày 13/9/2020 chị Ph cùng với anh Đặng Thế H, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1988 cùng trú tại xã V, huyện C, tỉnh Phú Thọ đến gặp C tại khu vực bến xe Thái Nguyên rồi tất cả cùng nhau đi ăn cơm. Trong lúc ăn cơm, C nói với chị Ph “*Trước khi ăn thì em nói trước, em đặt cọc trước*

50% giá trị ngôi nhà. Em trả giá ngôi nhà một tỷ đồng đúng giá mà em đưa ra”, thấy C nói vậy chị Ph không nói gì. Sau khi ăn cơm xong, chị Ph cùng với anh H, anh H và C lên xe ô tô của anh H rồi cùng nhau đến nhà chị Ph tại thành phố B để trao đổi, thống nhất việc mua bán. Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản từ trước, nên khi đến nhà chị Ph tại thôn N, xã N, thành phố B nên C nói với chị Ph là chưa đủ tiền để đặt cọc chỉ có hơn 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) thôi. Sau đó, C giả vờ ra ngoài trước cửa dùng điện thoại để gọi người này, người kia với mục đích là để chị Ph tin C đang đợi người mang tiền xuống. Đợi một lúc không thấy ai mang tiền xuống thì chị Ph có hỏi C “*Tại sao lâu thế*”, C trả lời “*Để em gọi lại*” rồi C đi ra ngoài sân để gọi điện thoại. Sau khi gọi xong, C vào nói với chị Ph “*Cho em mượn xe máy để đi lấy tiền*”. Do tin tưởng C nên chị Ph sang nhà chị H để mượn xe máy nhưng không có xe nên chị Ph ra nói với C “*Không có xe máy đâu, chỉ có xe đạp điện thôi*” rồi C trả lời “*Xe đạp điện cũng được*”. Sau đó, chị Ph sang nhà chị H mượn chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ESPERO DETECH số loại 133I, màu sơn đen đưa cho C. Khi lấy được xe cùng chìa khóa, C điều khiển xe đi thẳng đến khu vực huyện B, tỉnh Bắc Kạn với mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân nhưng không bán được. Do xe hết điện nên C đã gửi ở nhà chị Nguyễn Thị M (Nguyễn Thị Y), sinh năm 1975, trú tại phố N, thị trấn Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Sau đó, C bắt xe khách đến huyện B, tỉnh Bắc Kạn với mục đích để trốn tránh cơ quan chức năng. Khi đến thị trấn Ch, huyện B, tỉnh Bắc Kạn C thuê một nhà nghỉ để ngủ.

Khoảng 09 giờ ngày 14/9/2020, C dậy trả tiền phòng nghỉ rồi thuê xe ôm ra bến xe huyện B, tỉnh Bắc Kạn để bắt xe khách mục đích để trốn lên tỉnh Cao Bằng nhưng không có chuyến xe chạy tuyến Cao Bằng. Sau đó, C nhìn thấy cửa hàng xe đạp điện của anh Mạc Văn Th, sinh năm 1980, trú tại thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn C đi vào cửa hàng hỏi anh Th “*Anh bán xe thì anh có mua xe cũ không*”, anh Th nói “*Có mua*”, C tiếp tục nói “*Em đi xe đến Ph thì hết điện, em gửi nhà người quen anh mua thì xuống đây lấy xe*”. Sau đó, C đã tả đặc điểm xe cho anh Th nghe, anh Th đồng ý mua xe với giá 2.000.000đ (hai triệu đồng) nhưng do không xuống thị trấn Ph lấy xe được nên anh Th bảo C mang xe đến nhà anh Th, C đồng ý rồi lấy số điện thoại và địa chỉ nhà anh Th rồi bắt xe khách xuống nhà chị Nguyễn Thị M ở thôn N, thị trấn Ph, huyện B để lấy xe. Khi đến nhà chị M, C nhờ chị M gọi vào số máy của anh Th để C nói chuyện, trao đổi việc mua bán xe với anh Th. Sau đó, C đi tìm thuê phòng nghỉ tại thị trấn Ph để nghỉ. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Th đi xe mô tô xuống thị trấn Ph, huyện B, tỉnh Bắc Kạn rồi cùng C vào nhà chị M để lấy xe. Do xe không có sạc điện nên anh Th chỉ mua chiếc xe đạp điện nêu trên với số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) và C đồng ý. Sau khi bán xe được số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng), C đưa cho chị M 100.000đ (một trăm nghìn đồng) mục đích để trả tiền C mượn điện thoại của chị M để gọi cho anh Th và chi tiêu cá nhân hết số tiền khoảng 500.000đ (năm trăm nghìn

đồng), số tiền còn lại C cất để sử dụng sau. Sau đó, C đi bộ đến khu vực ngã ba thị trấn Ph với mục đích bắt xe khách lên tỉnh Cao Bằng để trốn nhưng chưa bắt được xe thì đã bị Cơ quan điều tra mời về trụ sở để làm việc.

Tại kết luận định giá ngày 15/9/2020 của Hội đồng định giá tài sản thành phố B kết luận: Chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ESPERO DETECH loại 133I có trị giá là 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra bị cáo Bùi Danh C đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của C phù hợp với lời khai của bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, những người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Tại bản Cáo trạng số 61/CT - VKSTP ngày 25 tháng 11 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Bùi Danh C về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Bùi Danh C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, thừa nhận Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Bị hại Đinh Thị Ph và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đinh Thị H, Nguyễn Thị M vắng mặt đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong đơn nêu rõ không yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Mạc Đức Th vắng mặt, đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt trong đơn nói rõ yêu cầu bị cáo Bùi Danh C phải trả lại cho anh Th số tiền 1.900.000 đồng mà anh Th đã bỏ ra để mua chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ESPERO DETECH số loại 133I, màu sơn đen của bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Tuyên bố bị cáo Bùi Danh C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Danh C từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam 15/9/2020.

Về hình phạt bổ sung: Bản thân bị cáo làm lao động tự do, không có thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 47; Điều 48 Bộ luật hình sự; căn cứ các Điều 584; 585; 586; 589; 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Trả lại cho anh Mạc Đức Th số tiền 1.487.000 đồng, trong đó có 1.387.000 đồng Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã tạm giữ của bị cáo và 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị M nộp lại theo biên lai thu tiền số 0000411, ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bắc Kạn, đều là số tiền bị cáo có được từ việc bán xe cho anh Th.

Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho anh Mạc Đức Th số tiền 413.000đ (Bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Đối với chị Đinh Thị Ph và chị Đinh Thị H đã được nhận lại tài sản là chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ESPERO DETECH, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Chị Nguyễn Thị M đã nộp lại số tiền 100.000 đồng cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Mạc Đức Th: Số tiền 1.387.000 đồng, là tiền bị cáo có được từ việc bán xe cho anh Th mà Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã tạm giữ của bị cáo và số tiền 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị M nộp lại theo biên lai thu tiền số 0000411, ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần bò dài, màu ghi xám, phía trước hai ống quần có nhiều vết rách thủng; 01 (một) dây thắt lưng màu đỏ có mặt bằng kim loại; 01 (một) ví giả da màu nâu ca rô của Bùi Danh C.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người tham gia tố tụng trong vụ án không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp

[2] Về tội danh: Tại phiên tòa bị cáo Bùi Danh C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án do vậy có căn cứ xác định:

Ngày 13/9/2020 tại thôn N, xã N, thành phố B, Bùi Danh C có hành vi dùng thủ đoạn gian dối, mặc dù bản thân không có tiền để mua đất nhưng C đã giả vờ đến đặt vấn đề mua đất của chị Đinh Thị Ph sau đó hỏi mượn xe đạp điện của chị Ph để đi lấy tiền về mua đất nhưng thực chất mục đích của C là lừa lấy chiếc xe đạp điện đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân. Do tin tưởng nên chị Ph đã mượn chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ESPERO DETECH số loại 133I, màu sơn đen trị giá 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) của chị Đinh Thị H để cho C mượn đi lấy tiền. Sau đó, C đã bán chiếc xe đạp điện cho anh Mạc Đức Th được số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng) để chi tiêu cá nhân.

Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự. Do đó Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn đã truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật như trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Do vậy, cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo:

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu: Tại bản án số 201/2019/HSST ngày 04/7/2019, Tòa án nhân dân quận H, thành phố Hà Nội xử phạt bị cáo 16 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngày 05/7/2020 bị cáo chấp hành án xong trở về địa phương, chưa được xóa án tích nhưng đến ngày 13/9/2020 lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Đinh Thị Ph.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã bị kết án về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 174 của Bộ luật hình sự do vậy bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong giai đoạn điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội do vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là “*Người phạm tội thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, HĐXX thấy cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù trong một thời gian nhất định mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bản thân bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự.

[6] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Trong đơn xin xét xử vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Mạc Đức Th yêu cầu bị cáo C phải trả lại cho anh Th số tiền 1.900.000 đồng mà anh Th đã bỏ ra để mua chiếc xe đạp điện với C. Xét thấy tại thời điểm mua xe, anh Th không biết chiếc xe đạp điện của C là tài sản do phạm tội mà có do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu của anh Th.

HĐXX xét thấy sau khi bán chiếc xe đạp điện cho anh Th được số tiền 1.900.000đ (một triệu chín trăm nghìn đồng), C đưa cho chị M 100.000đ (một trăm nghìn đồng) mục đích để trả tiền C mượn điện thoại của chị M để gọi cho anh Th và chi tiêu cá nhân hết số tiền 413.000đ (Bốn trăm mười ba nghìn đồng), số tiền còn lại là 1.387.000 đồng đã bị Cơ quan điều tra thu giữ.

Số tiền 1.387.000 đồng và số tiền 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị M nộp lại theo biên lai thu tiền số 0000411, ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, đều là tiền bị cáo bán xe cho anh Th mà có, do vậy cần trả lại cho anh Mạc Đức Th.

Sau khi trừ đi số tiền được hoàn trả trên thì bị cáo còn phải bồi thường tiếp cho anh Mạc Đức Th số tiền còn thiếu là 413.000đ (Bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Đối với chị Đinh Thị Ph và chị Đinh Thị H đã được nhận lại tài sản là chiếc xe đạp điện nhãn hiệu ESPERO DETECH, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Chị Nguyễn Thị M đã nộp lại số tiền 100.000 đồng cho Cơ quan điều tra và không có yêu cầu gì liên quan đến số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) quần bò dài, màu ghi xám, phía trước hai ống quần có nhiều vết rách thủng; 01 (một) dây thắt lưng màu đỏ có mặt bằng kim loại; 01 (một) ví giả da màu nâu ca rô tạm giữ của Bùi Danh C, hiện không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 1.387.000đ (một triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng) tạm giữ của Bùi Danh C, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định đây là tiền của anh Th đã bỏ ra mua xe với bị cáo, cần trả lại cho anh Mạc Đức Th.

- Số tiền 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị M nộp lại theo biên lai thu tiền số 0000411, ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, đây cũng là tiền bị cáo bán xe cho anh Th mà có, do vậy cần trả lại cho anh Mạc Đức Th.

- Đối với chiếc điện thoại di động có gắn số sim 0968.440.426 C sử dụng để làm công cụ lừa đảo chiếm đoạt tài sản của chị Ph, C đã bán cho một cửa hàng mua bán điện thoại tại thị trấn Ph, huyện B. Hiện nay C không nhớ địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu giữ được.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Đối với anh Mạc Đức Th, sinh năm 1980; trú tại thôn Ph, xã Th, huyện B, tỉnh Bắc Kạn là người mua chiếc xe đạp điện do Bùi Danh C phạm tội mà có. Tuy nhiên, khi mua chiếc xe nêu trên anh Th không biết nguồn gốc tài sản là do Bùi Danh C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là có căn cứ.

Đối với chị Nguyễn Thị M là người cho Bùi Danh C gửi chiếc xe đạp điện ngày 13/9/2020 và được C đưa cho số tiền 100.000đ (một trăm nghìn đồng). Tuy nhiên, chị M không biết chiếc xe và số tiền nêu trên là do C phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với chị M là có căn cứ.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí đối với bị cáo là phù hợp, có cơ sở để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Danh C phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Danh C 18 (*Mười tám*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam 15/9/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 586, 589, 357 và 468 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Danh C phải bồi thường cho anh Mạc Đức Th số tiền 413.000đ (Bốn trăm mười ba nghìn đồng).

Việc thi hành án khoản tiền bồi thường được thực hiện theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại cho anh Mạc Đức Th: Số tiền 1.387.000 đồng, là tiền bị cáo có được từ việc bán xe cho anh Th mà Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã tạm giữ của bị cáo; số tiền 100.000 đồng do chị Nguyễn Thị M nộp lại theo biên lai thu tiền số 0000411, ngày 04/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần bò dài, màu ghi xám, phía trước hai ống quần có nhiều vết rách thủng; 01 (một) dây thắt lưng màu đỏ có mặt bằng kim loại; 01 (một) ví giả da màu nâu ca rô của Bùi Danh C.

(Tình trạng vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Bị cáo Bùi Danh C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND TP B;
- Công an TP B;
- THADS TP B;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QL, NVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nguyệt Thu

